



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2024



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

Mục lục

Thông tin chung	1
Bảng cân đối kế toán	2-3
Báo cáo kết quả kinh doanh	4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	5-6
Thuyết minh báo cáo tài chính	7-30

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 ("Công ty") tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Dược phẩm cấp I thuộc Tổng liên hiệp các xí nghiệp Dược Việt Nam nay thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam. Ngày 29 tháng 6 năm 2010, Công ty chính thức chuyển thành Công ty TNHH MTV Dược phẩm trung ương 1 theo quyết định số 045/QĐ-TCTD của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Dược Việt Nam. Thực hiện theo quyết định số 2290/QĐ-BYT ngày 12 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt phương án cổ phần hóa, Công ty chuyển đổi sang mô hình cổ phần hóa thành Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0100108536 ngày 4 tháng 1 năm 2016.

Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100108536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 4 tháng 1 năm 2016. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 16 được cấp ngày 06 tháng 05 năm 2022

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

Công ty có trụ sở chính tại số 87, phố Nguyễn Văn Trỗi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau

Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Doãn Liêm	Thành viên
Bà Nguyễn Hồng Nhung	Thành viên
Bà Nguyễn Thùy Dung	Thành viên
Ông Nguyễn Huy Thanh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lương Thị Kim Thanh	Trưởng Ban
Bà Bùi Thị Thanh Hải	Thành viên
Bà Hà Lan Anh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Công Việt Hải	Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Hòa	Phó Tổng giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Hàn Thị Khánh Vinh – Chủ tịch HĐQT. Ông Công Việt Hải – Tổng Giám đốc được bà Hàn Thị Khánh Vinh ủy quyền ký báo cáo tài chính kèm theo cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy ủy quyền số 2368/GUQ-CPC1 ngày 27 tháng 12 năm 2023.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

B01-DN

		Đơn vị tính: VND		
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A – TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		936.997.707.250	979.378.640.791
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	17.044.190.947	27.898.593.898
1. Tiền	111		17.044.190.947	27.898.593.898
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		607.458.584.260	603.349.512.987
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	558.305.647.399	547.198.955.438
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		50.370.601.756	56.390.085.979
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	1.637.297.321	2.615.433.786
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5	(2.854.962.216)	(2.854.962.216)
IV. Hàng tồn kho	140	7	299.973.280.845	335.797.786.113
1. Hàng tồn kho	141		343.132.093.544	378.956.598.812
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(43.158.812.699)	(43.158.812.699)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.521.651.198	12.332.747.793
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	2.456.581.955	2.174.781.711
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.919.555.869	10.019.437.979
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153	13	145.513.374	138.528.103
B – Tài sản dài hạn	200		153.326.399.887	155.362.414.241
II. Tài sản cố định	220		92.168.810.238	93.835.244.759
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	64.303.577.438	65.970.011.959
- Nguyên giá	222		210.706.863.988	210.706.863.988
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(146.403.286.550)	(144.736.852.029)
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	27.865.232.800	27.865.232.800
- Nguyên giá	228		30.571.666.000	30.571.666.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.706.433.200)	(2.706.433.200)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn khác	250	10	31.578.502.139	31.451.046.339
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		32.511.198.461	32.511.198.461
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(932.696.322)	(1.060.152.122)
VI. Tài sản dài hạn khác	260	11	29.579.087.510	30.076.123.143
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		25.699.921.557	26.196.957.190
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.879.165.953	3.879.165.953
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.090.324.107.137	1.134.741.055.032

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

B01-DN

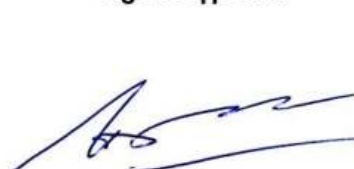
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
C – NỢ PHẢI TRẢ	300		702.961.406.181	783.246.454.083
I. Nợ ngắn hạn	310		702.961.406.181	783.246.454.083
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	346.413.894.552	408.477.686.594
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		958.644.680	670.090.316
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	7.945.399.619	9.722.338.021
4. Phải trả người lao động	314		6.671.889.697	10.573.663.880
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	190.583.619	3.211.318.830
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	15.680.944.901	14.932.361.693
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	324.427.997.834	334.986.943.470
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		672.051.279	672.051.279
D – VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	17	387.362.700.956	351.494.600.949
I. Vốn chủ sở hữu	410		387.362.700.956	351.494.600.949
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		209.790.000.000	209.790.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		209.790.000.000	209.790.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	41111		209.790.000.000	209.790.000.000
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.444.991.780	2.444.991.780
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		175.127.709.176	139.259.609.169
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		139.259.609.169	25.320.830.327
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		35.868.100.007	113.938.778.842
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.090.324.107.137	1.134.741.055.032

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà nội, ngày 17 tháng 04 năm 2024

Tổng Giám đốc



Ninh Thị Thu Hiền



Đặng Thị Dư




Công Việt Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

B02-DN

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1/2024		Lũy kế từ 01/01/2024 đến 31/03/2024	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	01	19.1	506.313.161.584	494.473.758.984	506.313.161.584	494.473.758.984
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		506.313.161.584	494.473.758.984	506.313.161.584	494.473.758.984
4. Giá vốn hàng bán	11	20	414.842.832.737	413.449.726.515	414.842.832.737	413.449.726.515
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		91.470.328.847	81.024.032.469	91.470.328.847	81.024.032.469
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19.2	2.976.744.851	2.017.186.678	2.976.744.851	2.017.186.678
7. Chi phí tài chính	22	21	11.915.831.240	6.537.565.124	11.915.831.240	6.537.565.124
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.371.961.784	5.746.868.687	3.371.961.784	5.746.868.687
8. Chi phí bán hàng	25	22	30.048.070.876	29.386.484.961	30.048.070.876	29.386.484.961
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	7.708.335.830	6.668.557.186	7.708.335.830	6.668.557.186
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		44.774.835.752	40.448.611.876	44.774.835.752	40.448.611.876
11. Thu nhập khác	31		95.956.435	-	95.956.435	-
12. Chi phí khác	32		14.925.000	-	14.925.000	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		81.031.435	-	81.031.435	-
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		44.855.867.187	40.448.611.876	44.855.867.187	40.448.611.876
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	8.987.767.180	8.104.122.375	8.987.767.180	8.104.122.375
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		35.868.100.007	32.344.489.501	35.868.100.007	32.344.489.501
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1.711	1.541	1.711	1.541

Người lập biểu

Ninh Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng

Đặng Thị Dư

Hà Nội ngày 17 tháng 04 năm 2024

Tổng Giám đốc

Công Việt Hải

Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181

Fax: (84-4) 3864 1366

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

B03-DN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Đơn vị tính: VND Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		44.855.867.187	40.448.611.876
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	-
- Khấu hao TSCĐ	2		1.921.746.088	1.941.015.813
- Các khoản dự phòng	3		(127.455.800)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4		5.917.711.987	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(116.232.061)	(12.392.050)
- Chi phí lãi vay	6		3.371.961.784	5.746.868.687
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		55.823.599.185	48.124.104.326
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(3.923.283.525)	34.012.740.874
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		35.824.505.268	169.240.321.045
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(74.120.217.386)	(241.283.337.691)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(40.076.178)	637.172.643
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.451.084.495)	(5.860.441.719)
- Thuế TNDN đã nộp	15		(10.434.044.386)	(5.500.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(320.601.517)	(629.440.522)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(1.500.603.636)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		23.341.152	12.392.050
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		23.341.152	(1.488.211.586)

Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181

Fax: (84-4) 3864 1366

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

B03-DN

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		191.023.713.550	194.589.654.550
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(201.582.659.186)	(209.937.741.227)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.700.000)	(11.340.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.564.645.636)	(15.359.426.677)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(10.861.906.001)	(17.477.078.785)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		27.898.593.898	28.789.581.773
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		7.503.050	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+61+61)	70		17.044.190.947	11.312.502.988

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Ninh Thị Thu Hiền



Đặng Thị Dư

Hà nội, ngày 17 tháng 03 năm 2024



Tổng Giám đốc


 Công Việt Hải

Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181

Fax: (84-4) 3864 1366

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-DN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 ("Công ty"), tiền thân là Công ty Dược phẩm cấp I, một doanh nghiệp nhà nước thuộc Tổng Liên hiệp các Xí nghiệp dược Việt Nam, nay thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam. Vào ngày 29 tháng 6 năm 2010, Công ty chính thức chuyển thành Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 theo Quyết định số 045/QĐ-TCTD của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Dược Việt Nam. Thực hiện theo Quyết định số 2290/QĐ-BYT ngày 12 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt phương án cổ phần hóa, Công ty đã chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC 1.

Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100108536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 4 tháng 1 năm 2016. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 16 được cấp ngày 16 tháng 05 năm 2022.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2024 là 309 nhân viên (ngày 01 tháng 01 năm 2024: 308 nhân viên).

Cấu trúc Công ty

Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 bao gồm Văn phòng Công ty, 1 cơ sở bán buôn và 4 chi nhánh hạch toán phụ thuộc ("đơn vị trực thuộc"). Chi tiết như sau:

Tên	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Cơ sở bán buôn số 1	Quầy 438, tầng 4, TTPP Dược phẩm và Trang thiết bị Hapulico, tòa nhà 24T1, đường Nguyễn Huy Tưởng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	Số 297/24A, đường Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Chi nhánh Quảng Ninh	Số 146, ngõ 3, đường Cao Thắng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Chi nhánh Đà Nẵng	Lô 75-76-77, khu Dân cư, số 2, đường Phần Lãng, phường An Khê, Quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Chi nhánh Nghệ An	Số 11, đường Lenin, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181

Fax: (84-4) 3864 1366

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính của Công ty

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc. Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính của văn phòng Công ty và sử dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Các chỉ tiêu của báo cáo tài chính được thực hiện bằng cách hợp cộng các chỉ tiêu tương ứng của tất cả báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc.

Các giao dịch đầu tư vốn, cung cấp hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm, thu hộ, chi hộ,... giữa văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau được căn trừ vào chỉ tiêu tương ứng trên báo cáo tài chính.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181

Fax: (84-4) 3864 1366

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là hàng hóa với chi phí mua được xác định như sau:

Hàng hóa chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181

Fax: (84-4) 3864 1366

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải	5 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181

Fax: (84-4) 3864 1366

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.9 Chi phí trả trước (tiếp theo)***Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo vào ngày 21 tháng 10 năm 2005 và ngày 21 tháng 2 năm 2017 với thời hạn thuê từ ngày 21 tháng 10 năm 2005 đến ngày 21 tháng 10 năm 2050 và từ ngày 21 tháng 2 năm 2017 đến ngày 16 tháng 8 năm 2050. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.10 Các khoản đầu tư*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181

Fax: (84-4) 3864 1366

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp và được nghiệm thu, xác nhận bởi khách hàng.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản góp vốn liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181

Fax: (84-4) 3864 1366

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.17 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty kinh doanh hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý và Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181

Fax: (84-4) 3864 1366

4. TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	31/03/2024	01/01/2024
Tiền mặt	1.014.879.879	1.001.846.774
Tiền gửi ngân hàng	16.029.311.068	26.896.747.124
TỔNG CỘNG	17.044.190.947	27.898.593.898

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Đơn vị tính: VND	
	31/03/2024	01/01/2024
a. Các bên liên quan		
Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 – Hà nội	19.290.240	91.615.140
b. Bên thứ ba		
Bệnh Viện Chợ Rẫy	19.621.255.240	15.833.350.000
Bệnh viện Bạch Mai	27.481.411.439	21.867.454.773
Bệnh viện Tim Hà nội	1.612.296.600	23.994.227.780
Bệnh viện Quân y 175	18.838.770.338	15.020.331.096
c. Phải thu khách hàng khác	490.732.623.542	470.391.976.649
TỔNG CỘNG	558.305.647.399	547.198.955.438

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.854.962.216	5.742.680.367
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	-	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Số cuối kỳ	2.854.962.216	5.742.680.367

Chi tiết theo khách hàng nợ xấu:

	Đơn vị tính: VND			
	31/03/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Cty CP dược				
VTYT Thái Bình	423.804.500	-	423.804.500	-
Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	-	-	-	-
Bệnh Viện Đa Khoa Đồng Nai	57.950.000	38.385.000	57.950.000	38.385.000
Khách hàng khác	4.795.506.240	2.383.913.524	4.795.506.240	2.383.913.524
TỔNG CỘNG	5.277.260.740	2.422.298.524	5.277.260.740	2.422.298.524

Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181

Fax: (84-4) 3864 1366

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	31/03/2024	01/01/2024
Phải thu hàng nhập khẩu ủy thác (*)	342.344.311	32.098.217
Thuế nhập khẩu ủy thác chi hộ	437.434.267	191.580.439
Tạm ứng	446.696.559	-
Ký quỹ, ký cược	63.052.340	2.044.281.652
Phải thu ngắn hạn khác	347.769.844	347.473.478
TỔNG CỘNG	1.637.297.321	2.615.433.786

(*) Đây là các khoản phải thu từ các bên giao ủy thác nhập khẩu liên quan đến giá trị các lô hàng nhập khẩu ủy thác đã hoàn thành trong năm và đã được Công ty thanh toán cho nhà cung cấp nhưng chưa được bên giao ủy thác hoàn trả.

7. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị tính: VND			
	31/03/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	414.145.618	-	30.783.737.714	-
Hàng hóa	342.717.947.926	(43.158.812.699)	348.172.861.098	(43.158.812.699)
TỔNG CỘNG	343.132.093.544	(43.158.812.699)	378.956.598.812	(43.158.812.699)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	43.158.812.699	17.701.453.246
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	-	-
Trừ: Sử dụng dự phòng trong năm	-	-
Số cuối kỳ	43.158.812.699	17.701.453.246

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

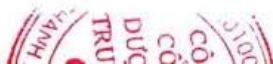
Tel: (84-4) 3864 0181

Fax: (84-4) 3864 1366

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số dư 01/01/2024	151.944.878.712	32.897.522.588	22.531.805.590	3.332.657.098	210.706.863.988
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư 31/03/2024	151.944.878.712	32.897.522.588	22.531.805.590	3.332.657.098	210.706.863.988
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	79.649.290.922	23.186.267.776	11.727.147.167	2.003.726.941	116.566.432.806
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số dư 01/01/2024	98.527.343.978	28.044.399.654	15.157.805.916	3.007.302.481	144.736.852.029
- Khấu hao trong kỳ	878.553.340	352.441.610	365.847.474	69.592.097	1.666.434.521
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư 31/03/2024	99.405.897.318	28.396.841.264	15.523.653.390	3.076.894.578	146.403.286.550
Giá trị còn lại:					
Số dư 01/01/2024	53.417.534.734	4.853.122.934	7.373.999.674	325.354.617	65.970.011.959
Số dư 31/03/2024	52.538.981.394	4.500.681.324	7.008.152.200	255.762.520	64.303.577.438



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181

Fax: (84-4) 3864 1366

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số dư 01/01/2024	27.870.452.800	2.701.213.200	30.571.666.000
Số dư 31/03/2024	27.870.452.800	2.701.213.200	30.571.666.000
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	5.220.000	2.701.213.200	2.706.433.200
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số dư 01/01/2024	5.220.000	2.701.213.200	2.706.433.200
Số dư 31/03/2024	5.220.000	2.701.213.200	2.706.433.200
Giá trị còn lại:			
Số dư 01/01/2024	27.865.232.800	-	27.865.232.800
Số dư 31/03/2024	27.865.232.800	-	27.865.232.800

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181

Fax: (84-4) 3864 1366

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	31/03/2024				01/01/2024			
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	2.666.666	27.776.985.675	-	319.999.920.000	2.666.666	27.776.985.675	-	362.399.909.400
Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	67.082	2.790.867.722	(932.696.322)	1.858.171.400	67.082	2.790.867.722	(1.060.152.122)	1.730.715.600
Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh (i)	99.825	971.029.662	-	1.746.937.500	99.825	971.029.662	-	1.697.025.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm TV. Pharm	17.600	300.659.375	-	-	17.600	300.659.375	-	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	18.000	472.871.724	-	712.800.000	18.000	472.871.724	-	702.000.000
Công ty Cổ phần Dược và Dịch vụ Thương mại Tuyên Quang	18.000	197.784.303	-	-	18.000	197.784.303	-	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi - Synthelabo Việt Nam	10	1.000.000	-	-	10	1.000.000	-	-
TỔNG CỘNG		32.511.198.461	(932.696.322)	-		32.511.198.461	(1.060.152.122)	-



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181

Fax: (84-4) 3864 1366

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngắn hạn</i>	<i>Dài hạn</i>		
	<i>Chi phí mua CCDC/chi phí sửa chữa/chi phí thuê VP</i>	<i>Chi phí đất trả trước</i>	<i>Chi phí sửa chữa TSCĐ</i>	<i>Cộng</i>
- Số dư đầu kỳ	2.174.781.711	25.955.233.124	241.724.066	26.196.957.190
- Tăng trong kỳ	1.154.229.680			
- Phân bổ trong kỳ	(872.429.436)	(255.311.567)	(241.724.066)	(497.035.633)
- Số dư cuối kỳ	2.456.581.955	25.699.921.557	-	25.699.921.557

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181

Fax: (84-4) 3864 1366

12. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

Đơn vị tính: VND

	31/03/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Công ty liên quan				
Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà nội	-	-	-	-
Chi nhánh Công ty cổ phần dược Danapha tại thành phố Hà Nội	58.293.793	58.293.793	64.667.151	64.667.151
Công ty cổ phần Dược phẩm trung ương I -PHARBACO	-	-	-	-
b. Bên thứ ba				
- RV Group (S) PTE.LTD	48.685.249.261	48.685.249.261	58.402.205.334	58.402.205.334
- Hyphen Pharma Pte.Ltd	84.598.422.687	84.598.422.687	106.912.001.978	106.912.001.978
- Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	9.876.077.640	9.876.077.640	30.841.873.920	30.841.873.920
- Công ty TNHH B.Braun Việt Nam	24.225.157.486	24.225.157.486	31.824.196.277	31.824.196.277
- Công ty cổ phần Dược phẩm Otsuka Việt Nam	13.405.060.489	13.405.060.489	13.765.143.778	13.765.143.778
- Các nhà cung cấp khác	165.565.633.196	165.565.633.196	166.667.598.156	166.667.598.156
TỔNG CỘNG	346.413.894.552	346.413.894.552	408.477.686.594	408.477.686.594

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

Đơn vị tính: VND

	01/01/2024				31/03/2024		
	Số phải thu	Số phải trả	Số phải nộp trong kỳ	Số đã khấu trừ trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số phải thu	Số phải trả
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	138.528.103	619.208.403	32.121.688.346	(30.121.655.307)	(1.618.392.561)	138.528.103	1.000.848.881
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	13.830.291.886	-	(13.830.291.886)	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	98.168.400	-	(98.168.400)	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	91.898.849	-	(91.898.849)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	546.140.758	1.230.054.172	-	(1.783.180.201)	6.985.271	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	8.390.827.944	8.987.767.180	-	(10.434.044.386)	-	6.944.550.738
Các loại thuế khác	-	-	9.000.000	-	(9.000.000)	-	-
Phí, lệ phí	-	166.160.916	-	-	(166.160.916)	-	-
TỔNG CỘNG	138.528.103	9.722.338.021	56.368.868.833	(30.121.655.307)	(28.031.137.199)	145.513.374	7.945.399.619

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181

Fax: (84-4) 3864 1366

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	31/03/2024	01/01/2024
Lãi vay tạm tính	190.583.619	269.706.330
Chi phí trích trước	-	2.941.612.500
TỔNG CỘNG	190.583.619	3.211.318.830

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	31/03/2024	01/01/2024
Phải trả hàng ủy thác	12.672.363.583	11.710.713.917
Kinh phí công đoàn	37.049.100	36.770.260
Cổ tức phải trả	165.110.000	170.810.000
Các khoản phải trả khác	2.806.422.218	3.014.067.516
TỔNG CỘNG	15.680.944.901	14.932.361.693

536-C
TY
AN
HÀM
TỔNG
I
- TP. HÀ

16. VAY NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	01/01/2024		Số phát sinh trong kỳ		31/03/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng	317.875.943.470	317.875.943.470	189.923.713.550	(198.132.659.186)	309.666.997.834	309.666.997.834
Vay cá nhân	17.111.000.000	17.111.000.000	1.100.000.000	(3.450.000.000)	14.761.000.000	14.761.000.000
TỔNG CỘNG	334.986.943.470	334.986.943.470	191.023.713.550	(201.582.659.186)	324.427.997.834	324.427.997.834

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

Bên cho vay	31/03/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Thăng Long	30.255.569.350	71.538.952.701	4,5% - 6,0%	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh SGD2	23.155.895.995	45.064.163.252	3,5% - 5,2%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Công thương VN	-	14.680.202.975	5,0%-5,8%	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	79.114.774.589	34.588.093.913	4,8% - 5,0%	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	11.398.067.430	19.559.455.839	4,5% - 5,0%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	64.303.846.796	54.191.834.098	2,8% - 5,5%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN – Sở giao dịch	51.929.640.527	22.053.327.524	4,0%	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đô	-	8.394.723.076	5%	Tín chấp
NH NN và PT Nông thôn CN Tân Bình	4.484.574.500	15.454.076.884	4,5% - 5,5%	Tín chấp
NH TMCP Hàng Hải VN – Sở giao dịch	45.024.628.647	32.351.113.208	3,5% - 5,1%	Tín chấp
Vay cá nhân	14.761.000.000	17.111.000.000	5,0%	
TỔNG CỘNG	324.427.997.834	334.986.943.470		

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181

Fax: (84-4) 3864 1366

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2024	209.790.000.000	2.444.991.780	139.259.609.169	351.494.600.949
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	35.868.100.007	35.868.100.007
- Chia cổ tức (*)	-	-	-	-
- Quỹ thưởng HĐQT, BKS, Ban TGD 2023 (*)	-	-	-	-
- Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi 2023 (*)	-	-	-	-
- Tạm phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi 2024 (*)	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/03/2024	209.790.000.000	2.444.991.780	175.127.709.176	387.362.700.956

17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/03/2024 (Cổ phiếu)			01/01/2024 (Cổ phiếu)		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tổng số	Cổ phiếu thường	Tỷ lệ sở hữu (%)
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần Ông Lê Nam Thắng	13.721.550	13.721.550	65,406%	13.721.550	13.721.550	65,406%
Bà Lê Thị Kim Ánh	1.700.000	1.700.000	8,103%	1.700.000	1.700.000	8,103%
Ông Nguyễn Doãn Liên	1.518.800	1.518.800	7,240%	1.518.800	1.518.800	7,240%
Cổ đông khác	1.210.940	1.210.940	5,772%	1.210.940	1.210.940	5,772%
	2.827.710	2.827.710	13,479%	2.827.710	2.827.710	13,479%
TỔNG CỘNG	20.979.000	20.979.000	100%	20.979.000	20.979.000	100%

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2019: 10.000 VND/cổ phiếu).

17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	209.790.000.000	209.790.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	209.790.000.000	209.790.000.000
Cổ tức, lợi nhuận công bố/đã chia	-	-

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181

Fax: (84-4) 3864 1366

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

18.1 Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	31/03/2024	01/01/2024
Hàng hóa nhập khẩu ủy thác giữ hộ bên thứ ba (VND)	2.870.383.127	1.533.462.787

18.2 Ngoại tệ các loại

	31/03/2024	01/01/2024
USD	14.252	14.044
EUR	14.935	14.938

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	506.313.161.584	494.473.758.984
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	502.687.386.889	489.302.352.376
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.625.774.695	5.171.406.608
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Hàng bán bị trả lại	-	-
DOANH THU THUẦN	506.513.161.584	494.473.758.984

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	5.341.152	12.392.050
Cổ tức, lợi nhuận được chia	18.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.849.871.108	2.004.794.628
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	103.532.591	-
TỔNG CỘNG	2.976.744.851	2.017.186.678

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán và cung cấp dịch vụ	414.842.832.737	413.449.726.515
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
TỔNG CỘNG	414.842.832.737	413.449.726.515

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181

Fax: (84-4) 3864 1366

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	3.371.961.784	5.746.868.687
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.753.613.269	790.696.437
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.917.711.987	-
Chi phí tài chính khác	(127.455.800)	-
TỔNG CỘNG	11.915.831.240	6.537.565.124

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	13.091.003.830	13.535.661.567
Chi phí vật liệu, bao bì	1.769.449.479	1.781.240.537
Chi phí công cụ dụng cụ	392.589.815	447.330.891
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.818.616.525	8.441.683.022
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.663.062.021	1.682.331.747
Chi phí bán hàng khác	6.313.349.206	3.498.237.197
TỔNG CỘNG	30.048.070.876	29.386.484.961

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

Chi phí nhân công	2.914.753.032	2.988.513.107
Chi phí thuê đất	255.311.567	255.311.567
Chi phí trích lập/hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	-
Chi phí khấu hao và hao mòn	3.372.500	3.372.500
Chi phí công cụ dụng cụ	234.223.182	60.913.636
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.245.703.619	1.108.957.015
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.054.971.930	2.251.489.361
TỔNG CỘNG	7.708.335.830	6.668.557.186

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí mua hàng hóa để bán	414.842.832.737	413.449.726.515
Trích lập dự phòng GGHTK	-	-
Chi phí nhân công	16.005.756.862	16.524.174.674
Chi phí công cụ dụng cụ	626.812.997	508.244.527
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.064.320.144	9.550.640.037
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.921.746.088	1.941.015.813
Chi phí khác	11.137.770.615	7.530.967.096
Tổng cộng	452.599.239.443	449.504.768.662

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181

Fax: (84-4) 3864 1366

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế TNDN ("TNDN") của Công ty là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế

24.1 Chi phí thuế TNDN

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.987.767.180	8.104.122.375
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	8.987.767.180	8.104.122.375
Điều chỉnh thuế của năm trước	-	-
Thuế TNDN hoãn lại	-	-

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận chịu thuế và lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	44.855.867.187	40.448.611.876
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	8.971.173.437	8.089.722.375
Các khoản điều chỉnh tăng	20.193.743	14.400.000
Trong đó: Thù lao HĐQT + BKS	72.000.000	72.000.000
Dự phòng GGHTK	-	-
Giảm chi phí thuế GTGT hạch toán phí	14.043.715	-
Chi phí khác	14.925.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(3.600.000)	-
Trong đó: Lãi đầu tư tài chính	(18.000.000)	-
Điều chỉnh thuế của năm trước	-	-
Chi phí thuế TNDN	8.987.767.180	8.104.122.375
Thuế TNDN hoãn lại	-	-

24.2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	Đơn vị tính: VND			
	Bảng cân đối kế toán riêng		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Dự phòng hàng tồn kho	3.879.165.953	3.879.165.953	-	-
			-	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	-		

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181

Fax: (84-4) 3864 1366

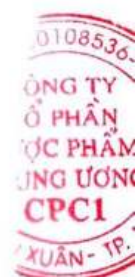
25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Đơn vị tính: VND				
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	Cổ tức công bố và đã trả	-	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty đầu tư dài hạn khác	Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ Mua hàng hoá và dịch vụ Cổ tức công bố và đã trả Cổ tức đã nhận	136.235.020 - - -	111.202.200 - - -
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 1 – Pharbaco	Công ty có chung thành viên HĐQT	Bán hàng hoá và dịch vụ Mua hàng hoá và dịch vụ	- -	- 1.435.346.550
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Danapha tại thành phố Hà nội	Công ty liên kết của Công ty mẹ	Bán hàng hoá và dịch vụ Mua hàng hoá và dịch vụ	- -	- 22.978.780

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181

Fax: (84-4) 3864 1366

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

		Đơn vị tính: VND	
Tên	Chức vụ	Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023
Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Chủ tịch HĐQT	21.000.000	21.000.000
Ông Nguyễn Doãn Liêm	Thành viên HĐQT	15.000.000	15.000.000
Ông Công Việt Hải	Tổng giám đốc	227.712.725	194.864.423
Bà Nguyễn Thị Hòa	Phó Tổng Giám đốc	183.170.180	140.847.271
Bà Nguyễn Hồng Nhung	Thành viên HĐQT	15.000.000	15.000.000
Nguyễn Huy Thanh	Thành viên HĐQT	15.000.000	15.000.000
Nguyễn Thùy Dung	Thành viên HĐQT	15.000.000	15.000.000
Ban kiểm soát	Ban kiểm soát	151.215.911	132.102.273
TỔNG CỘNG		643.098.816	548.813.967

Người lập biểu

Ninh Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng

Đặng Thị Dư

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2024

Tổng Giám đốc



Công Việt Hải



